

Số: **45** /2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Quyết định số 83/2000/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 11/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao”;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2074/TTr-STNMT ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc ban hành Quyết định

Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

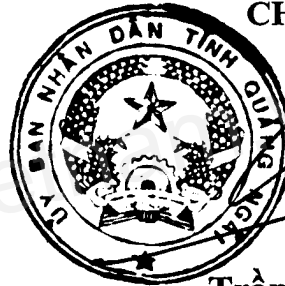
Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và thay thế Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh, VP HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB; các PCVP, các phòng N/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak653.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

Về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2017/QĐ-UBND ngày 10/7/2017
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định thống nhất về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; những nội dung về đo đạc và bản đồ không nêu trong Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

1. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở và hệ thống các loại bản đồ trên địa bàn tỉnh phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trục $108^{\circ}00'$, múi chiếu 3° .

2. Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 và hệ tọa độ, độ cao chuyên ngành khác phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}00'$, múi chiếu 3° ; độ cao nhà nước.

Điều 4. Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Việc đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính phải gắn với công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường; thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất.

2. Trường hợp do tính cấp thiết của dự án phải thực hiện ngay việc thu hồi đất, giao đất để triển khai thi công, nhưng trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường chưa hoàn thiện cho cả dự án, thì các thửa đất đủ điều kiện lập thủ tục thu hồi đất, giao đất được biên tập phân biệt màu riêng để thẩm định bản đồ phục vụ thu hồi đất theo từng đợt. Trường hợp này, UBND tỉnh có ý kiến thống nhất; trên cơ sở đó, UBND cấp huyện hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường có Công văn đề nghị thẩm định bản đồ theo từng đợt, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét thẩm định để đảm bảo thời gian thực hiện dự án.

3. Tất cả các trường hợp trích đo, chỉnh lý, trích lục bản đồ địa chính thửa đất, khu đất để lập thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, thì bản đồ địa chính thửa đất, khu đất phải được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Trường hợp chỉ trích lục bản đồ để lập thủ tục thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất mà không phải phê duyệt phương án bồi thường, thì đơn vị có chức năng trích lục bản đồ thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường không phải thẩm định bản đồ.

4. Bản đồ địa hình phục vụ tính khối lượng đào, đắp; khảo sát, thăm dò, cấp phép, gia hạn, chuyển nhượng khoáng sản thuộc thẩm quyền UBND tỉnh và mục đích quản lý đất đai khác, phải được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

5. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ phải được cập nhật thường xuyên và kịp thời vào hệ thống hồ sơ địa chính để đảm bảo phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

6. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ và thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 5. Quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo đúng danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; khi tiến hành thành lập, xuất bản và sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Chủ đầu tư phải lựa chọn tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động đo đạc và bản đồ và có đủ năng lực để ký kết hợp đồng hoặc giao nhiệm vụ đề thi công công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Tổ chức đo đạc và bản đồ chỉ được thực hiện những công trình tương ứng với danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép, phải thi công đúng dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán hoặc phương án thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng quy định về đo đạc và bản đồ; phải chịu sự giám sát và kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

4. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào quản lý, sử dụng phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

Điều 6. Lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc và bản đồ

1. Đối với dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư.

Đơn vị có chức năng lập Thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc và bản đồ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, sau khi có kết quả thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Sở Tài chính thẩm tra dự toán và trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

Đơn vị có chức năng lập Thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc và bản đồ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần thiết kế kỹ thuật và gửi cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thẩm định dự toán và trình UBND cấp huyện phê duyệt.

3. Thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình đo đạc và bản đồ địa chính được lập phải đảm bảo các nội dung chính theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Lập, thẩm định phương án kỹ thuật trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác

1. Trước khi thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất phải lập phương án kỹ thuật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định về chất lượng, khối lượng và Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán.

Trường hợp những khu vực trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính có diện tích dưới đây, đơn vị thi công lập phương án kỹ thuật gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu công trình sản phẩm của đơn vị thi công và của Chủ đầu tư để theo dõi, phương án kỹ thuật Sở Tài nguyên và Môi trường không thực hiện thẩm định:

- Khu đo có diện tích: ≤ 05 ha, đối với tỷ lệ 1/500;
- Khu đo có diện tích: ≤ 10 ha, đối với tỷ lệ 1/1000;
- Khu đo có diện tích: ≤ 20 ha, đối với tỷ lệ 1/2000;
- Khu đo có diện tích: ≤ 100 ha, đối với tỷ lệ 1/5000.

2. Phải lập báo cáo khảo sát trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập, phân tích, đánh giá các tư liệu, tài liệu có liên quan trước khi lập phương án kỹ thuật.

3. Khi lập Phương án kỹ thuật, nếu áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật khác theo quy định hiện hành thì phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và phải được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản mới được thi công.

4. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất riêng lẻ để phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác thì không phải lập Phương án kỹ thuật.

Điều 8. Lập, thẩm định phương án kỹ thuật đo đạc, thành lập bản đồ địa hình phục vụ tính khối lượng đào, đắp (nếu chưa có bản đồ địa hình, thiết kế kỹ thuật); khảo sát, thăm dò, cấp phép, gia hạn, chuyển nhượng khoáng sản thuộc thẩm quyền UBND tỉnh và mục đích quản lý đất đai khác

1. Đối với công trình sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

Trước khi thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa hình, chủ đầu tư lập Phương án kỹ thuật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định về phương án kỹ thuật, trên cơ sở phương án được thẩm định, chủ đầu tư gửi cơ quan có chức năng thẩm định phần dự toán. Sau khi có kết quả thẩm định phương án kỹ thuật của Sở Tài nguyên và Môi trường và kết quả thẩm định phần dự toán của cơ quan có chức năng, chủ đầu tư tổ chức phê duyệt làm căn cứ thực hiện theo đúng quy định.

2. Đối với công trình không sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

Chủ đầu tư tự thẩm định và phê duyệt phương án kỹ thuật công trình theo quy định, để làm căn cứ thực hiện. Nếu chủ đầu tư có yêu cầu thẩm định phần phương án kỹ thuật, sau khi lập xong phương án kỹ thuật, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức triển khai công tác thành lập hệ thống lưới địa chính; thành lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình và các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ được giao trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

2. Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ chuyên ngành phục vụ các mục đích chuyên dụng của địa phương; quản lý công trình xây dựng đo đạc, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo phân cấp; quản lý hoạt động xuất bản bản đồ tại địa phương.

3. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện thẩm định bản đồ và hồ sơ nghiệm thu đối với các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã hoàn thành.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo đúng quy định.

2. Tham mưu cho UBND cấp huyện xử lý theo thẩm quyền những hành vi xâm hại đến các công trình đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định và tham mưu UBND cấp huyện xác định loại đất (đối với các thửa đất chưa có giấy tờ pháp lý) làm cơ sở cho việc thẩm định bản đồ, phục vụ công tác phê duyệt phương án bồi thường, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

3. Phối hợp trong việc kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ trên địa bàn huyện.

4. Thông báo cho tổ chức, cá nhân được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đã có trên thửa đất và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa.

Điều 11. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Theo dõi các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn UBND cấp xã quản lý, nếu phát hiện đơn vị thi công đo đạc thi công trên địa bàn mà không có thông báo thì tiến hành lập biên bản và báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường để xử lý theo quy định.

2. Phối hợp với đơn vị thi công đo đạc khi có yêu cầu và cử cán bộ công chức địa chính cấp xã, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất.

3. Phối hợp với Chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, ký xác nhận hiện trạng quản lý, sử dụng đất trên địa bàn UBND cấp xã quản lý.

4. Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác cập nhật, chỉnh lý bản đồ và các tài liệu liên quan kịp thời.

5. Quản lý và bảo vệ các dấu mốc đo đạc trên địa bàn cấp xã theo biên bản bàn giao dấu mốc đo đạc cho UBND cấp xã.

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị thi công đo đạc phải có Giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ mà trong đó có danh mục được cấp phép hoạt động tương ứng với nội dung công việc trong hợp đồng được ký kết.

2. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, đơn vị thi công đo đạc tổ chức quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung đo đạc để nhân dân trong khu vực dự án biết và phối hợp thực hiện.

3. Chủ đầu tư sử dụng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý; thành lập hội đồng tư vấn hoặc thuê tổ chức có chức năng kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ để thực hiện kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính và trực tiếp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính được giao thực hiện; chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm được giao.

4. Giao nộp toàn bộ sản phẩm đã nghiệm thu, thẩm định để quản lý, theo dõi và thực hiện lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị thi công

1. Đơn vị thi công chỉ hoạt động trong phạm vi các danh mục được cấp phép, nếu hoạt động đo đạc ngoài các danh mục được cấp phép sẽ bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

2. Bố trí nhân lực thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ phải đủ tiêu chuẩn chuyên môn.

3. Trong quá trình tổ chức thi công, có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho UBND cấp xã có liên quan biết về kế hoạch đo đạc trên địa bàn để quản lý, theo dõi. Có trách nhiệm phối hợp với người dẫn đạc (là công chức địa chính cấp xã hoặc cán bộ thôn, xóm, tổ dân phố) để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất).

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, tùy theo mức độ mà bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

2. Cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm quy định về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

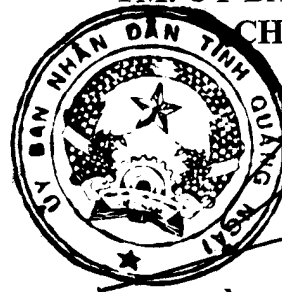
Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản quy phạm pháp luật ban hành làm cho nội dung trong Quy định này không còn phù hợp hoặc có hướng dẫn về cùng nội dung thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng